

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo giấy Ủy nhiệm chi số UNC3714/342, UNC3714/343 ngày 22 tháng 09 năm 2021)

Tài khoản dự toán ☐ Tài khoản tiền gửi: ☒

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh

2. Mã đơn vị: 1058083

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị tại ngân hàng thương mại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Lý Thường Kiệt

I. Nội dung đề nghị thanh toán:

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Tài khoản Ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú	
		Tài khoản	Tên Ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác		Tiền khoán		Tiền học Bổng
									PC kiêm nhiệm	PC độc hại			
									T09/2021	T09/2021			
									9.1	9.2			
1	2	3		4	5	6	7	8	9		10	11	12
	Tổng số			239.331.250					237.394.250	1.937.000			
I	Đối với Công chức, viên chức			226.144.750					225.548.750	596.000			
1	Phạm Hữu Lộc	1603215001126	NH Agribank	7.301.000					7.301.000				
2	Đinh Văn Đệ	1603215001371	NH Agribank	4.395.500					4.395.500				
3	Đinh Hồng Minh	1603205186191	NH Agribank	6.854.000					6.854.000				
4	Châu Văn Bảo	1603215001359	NH Agribank	7.003.000					7.003.000				
5	Lâm Viết Dũng	1603215002237	NH Agribank	6.854.000					6.854.000				
6	Lưu Hoàng Hải Yến	1603205353720	NH Agribank	2.086.000					2.086.000				
7	Huỳnh Thị Minh Ly	1603205185719	NH Agribank	2.086.000					2.086.000				
8	Phan Thị Ngọc Phượng	1603205186162	NH Agribank	894.000					894.000				
9	Nguyễn Kính	1603205457393	NH Agribank	5.513.000					5.513.000				
10	Nguyễn Thị Kim Dung	1603205182336	NH Agribank	2.086.000					2.086.000				
11	Nguyễn Thị Hồng Thắm	1603205372861	NH Agribank	894.000					894.000				
12	Trần Thị Minh Thoa	1603205178873	NH Agribank	1.192.000					1.192.000				
13	Trương Thị Hồng	1603205186603	NH Agribank	596.000					596.000				

STT	Họ và tên	Tài khoản Ngân hàng		Tổng số	Trong đó:								Ghi chú
		Tài khoản	Tên Ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác		Tiền khoán	Tiền học Bổng	
									PC kiêm nhiệm T09/2021	PC độc hại T09/2021			
									9.1	9.2			
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	
14	Nguyễn Văn Chiến	1603205341369	NH Agribank	3.017.250					3.017.250				
15	Lê Quang Liêm	1603215001365	NH Agribank	3.874.000					3.874.000				
16	Nguyễn Văn Thành	1603205182190	NH Agribank	2.086.000					2.086.000				
17	Trịnh Hoàng Hiệp	1603205458242	NH Agribank	3.799.500					3.799.500				
18	Nguyễn Trọng Phú	1603205185935	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
19	Dương Thị Thủy	1603205360623	NH Agribank	894.000					894.000				
20	Trang Thị Xuân Uyên	1603205186156	NH Agribank	2.682.000					2.682.000				
21	Hồ Văn Sĩ	1603205185681	NH Agribank	2.980.000					2.980.000				
22	Nguyễn Văn Tấn	1603205185675	NH Agribank	2.086.000					2.086.000				
23	Nguyễn Thị Thanh Thảo	1603205182394	NH Agribank	894.000					894.000				
24	Lương Xuân Thịnh	1603205354978	NH Agribank	6.556.000					6.556.000				
25	Nguyễn Việt Tiến	1603215002794	NH Agribank	1.490.000					1.490.000				
26	Võ Thị Lệ Trân	1603205185357	NH Agribank	1.192.000					1.192.000				
27	Nguyễn Chí Nhân	1603205182184	NH Agribank	2.980.000					2.980.000				
28	Huỳnh Thị Mai	1603205185652	NH Agribank	2.086.000					2.086.000				
29	Lê Xuân Thiện	1603205185958	NH Agribank	2.980.000					2.980.000				
30	Nguyễn Ngọc Hiệp	1603205179173	NH Agribank	2.086.000					2.086.000				
31	Hồ Minh Lợi	1603205178809	NH Agribank	2.086.000					2.086.000				
32	Nguyễn Thị Kim Anh	1603205189653	NH Agribank	596.000					596.000				
33	Phan Đức Long	1603205179180	NH Agribank	2.682.000					2.682.000				
34	Nguyễn Hữu Thiện	1603205185147	NH Agribank	3.799.500					3.799.500				
35	Nguyễn Thị Nhuận	1603205186786	NH Agribank	6.109.000					6.109.000				
36	Nguyễn Trọng Nghĩa	1603215002243	NH Agribank	2.682.000					2.682.000				
37	Lưu Thị Thúy	1603205458367	NH Agribank	894.000					894.000				
38	Đào Anh Tuấn	1603215002453	NH Agribank	1.490.000					1.490.000				

STT	Họ và tên	Tài khoản Ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú	
		Tài khoản	Tên Ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác		Tiền khoán		Tiền học Bổng
									PC kiêm nhiệm T09/2021	PC độc hại T09/2021			
									9.1	9.2			
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	
39	Huỳnh Chí Giới	1603205637010	NH Agribank	596.000					596.000				
40	Phạm Quỳnh Như	1603205458417	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
41	Lữ Xuân Trang	1603215002424	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
42	Hồ Gia Bảo	1603205670790	NH Agribank	2.160.500					2.160.500				
43	Phạm Thị Thanh Thúy	1603205426614	NH Agribank	2.160.500					2.160.500				
44	Nguyễn Ngọc Thợ	1603205246373	NH Agribank	2.682.000					2.682.000				
45	Trần Hồng Thảo	1603215003860	NH Agribank	2.384.000					2.384.000				
46	Nguyễn Thành Nam	1603215002713	NH Agribank	2.980.000					2.980.000				
47	Ngô Thanh Điền	1603205183266	NH Agribank	1.192.000					1.192.000				
48	Phạm Thị Thu Nga	1603205186372	NH Agribank	3.427.000					3.427.000				
49	Lê Nguyễn Mỹ Trâm	1603205274861	NH Agribank	894.000					894.000				
50	Lê Thái Hùng	1603205190068	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
51	Nguyễn Thị Thu Hà	1603215002526	NH Agribank	3.278.000					3.278.000				
52	Lâm Thị Phương Thảo	1603205637004	NH Agribank	596.000					596.000				
53	Nguyễn Ngọc Quỳnh	1603205186264	NH Agribank	2.682.000					2.682.000				
54	Lê Thị Hồng Vân	1603205189761	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
55	Phan Thị Thùy Trang	1603205189942	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
56	Phạm Thị Vinh	1603205269412	NH Agribank	894.000					894.000				
57	Đặng Thị Nhật Minh	1603205182530	NH Agribank	4.619.000					4.619.000				
58	Đỗ Thị Thom	1603205249841	NH Agribank	447.000					447.000				
59	Hồ Ngọc Chi	1603215005599	NH Agribank	2.086.000					2.086.000				
60	Trần Việt Khánh	1603205234010	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
61	Nguyễn Văn Đôn	1603205246344	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
62	Nguyễn Văn Danh	1603205185261	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
63	Nguyễn Cao Phong	1603205185203	NH Agribank	447.000					447.000				

NH P
 NG
 ĐĂNG
 TRON
 NH PHO
 CHI MINH
 *

STT	Họ và tên	Tài khoản Ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú	
		Tài khoản	Tên Ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác		Tiền khoán		Tiền học Bổng
									PC kiêm nhiệm T09/2021	PC độc hại T09/2021			
									9.1	9.2			
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	
64	Lê Quý Hưng Quốc	1603205185278	NH Agribank	894.000					894.000				
65	Nguyễn Ngọc Tuyên	1603205286594	NH Agribank	1.490.000					1.490.000				
66	Chung Trần Thế Vinh	1603205182132	NH Agribank	2.980.000					2.980.000				
67	Trần Đình Khải	1603205309314	NH Agribank	2.086.000					2.086.000				
68	Dương Minh Chung	1603205182149	NH Agribank	894.000					894.000				
69	Vũ Đức Pháp	1603205182234	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
70	Bùi Anh Tuấn	1603205353368	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
71	Vũ Quang Khải	1603205189699	NH Agribank	2.160.500					2.160.500				
72	Đỗ Thị Phương Khanh	1603205182126	NH Agribank	1.341.000					1.341.000				
73	Nguyễn Khắc Huy	1603205596180	NH Agribank	1.490.000					1.490.000				
74	Tạ Minh Cường	1603205182517	NH Agribank	2.980.000					2.980.000				
75	Phạm Minh Nghĩa	1603205178896	NH Agribank	5.438.500					5.438.500				
76	Quách Minh Thử	1603205182415	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
77	Huỳnh Ngọc Mai	1603205179042	NH Agribank	1.490.000					1.490.000				
78	Võ Cường	1603205179036	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
79	Trần Nguyên Bảo Trân	1603215002510	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
80	Cao Văn Tuấn	1603205556090	NH Agribank	894.000					894.000				
81	Nguyễn Minh Đức Cường	1603205276158	NH Agribank	1.490.000					1.490.000				
82	Trần Nam Anh	1603205556084	NH Agribank	1.639.000					1.639.000				
83	Nguyễn Anh Tuấn	1603205178736	NH Agribank	2.980.000					2.980.000				
84	Võ Đắc Thịnh	1603205178692	NH Agribank	2.086.000					2.086.000				
85	Nguyễn Hữu Mạnh	1603205178720	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
86	Đặng Thái Sơn	1603205246338	NH Agribank	1.192.000					1.192.000				
87	Lý Văn Trung	1603205626197	NH Agribank	894.000					894.000				
88	Triệu Phú Nguyên	1603205235065	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				

STT	Họ và tên	Tài khoản Ngân hàng		Tổng số	Trong đó:								Ghi chú
		Tài khoản	Tên Ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác		Tiền khoán	Tiền học Bổng	
									PC kiêm nhiệm T09/2021	PC độc hại T09/2021			
									9.1	9.2			
1	2	3		4	5	6	7	8	9		10	11	12
89	Hà Quốc Bảo	1603205398576	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
90	Trần Thế Sơn	1603215005576	NH Agribank	1.490.000					1.490.000				
91	Trần Văn Đông	1603205590155	NH Agribank	596.000					596.000				
92	Đinh Đồng Hiệp	1603205398734	NH Agribank	2.682.000					2.682.000				
93	Hoàng Văn Viết	1603215002692	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
94	Đặng Thế Huân	1603205182690	NH Agribank	2.160.500					2.160.500				
95	Võ Anh Hào	1603205182660	NH Agribank	2.160.500					2.160.500				
96	Phan Văn Hòa	1603205246271	NH Agribank	1.490.000					1.490.000				
97	Nguyễn Vũ Xuân Thị	1603205246186	NH Agribank	894.000					894.000				
98	Phạm Quang Vũ	1603215003961	NH Agribank	2.682.000					2.682.000				
99	Trình Minh Phong	1603205634954	NH Agribank	1.490.000					1.490.000				
100	Nguyễn Văn Chì	1603205280047	NH Agribank	298.000						298.000			
101	Nguyễn Thị Vân	1603205545491	NH Agribank	298.000						298.000			
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP)			1.490.000					1.490.000				
102	Huỳnh Thị Xuân Mai	1603205178850	NH Agribank	1.490.000					1.490.000				
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			11.696.500					10.355.500	1.341.000			
103	Phạm Hữu Tấn	1603205447217	NH Agribank	1.788.000					1.788.000				
104	Nguyễn Thụy Nghiêm	1603205643427	NH Agribank	1.639.000					1.490.000	149.000			
105	Trần Thị Thu	1603205185856	NH Agribank	1.937.000					1.788.000	149.000			
106	Nguyễn Yến Nhi	1603205351493	NH Agribank	2.756.500					2.756.500				
107	Bùi Đức Phước	1603205498224	NH Agribank	1.639.000					1.639.000				
108	Phạm Huy Hoàng	1603205426830	NH Agribank	894.000					894.000				
109	Nguyễn Thị Thu Trang	1603205185833	NH Agribank	149.000						149.000			
110	Đỗ Thị Bích Thủy	1603205465934	NH Agribank	149.000						149.000			
111	Trần Kim Tươi	1603205639340	NH Agribank	149.000						149.000			

STT	Họ và tên	Tài khoản Ngân hàng		Tổng số	Trong đó:								Ghi chú
		Tài khoản	Tên Ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác		Tiền khoán	Tiền học Bổng	
									PC kiêm nhiệm T09/2021	PC độc hại T09/2021			
1	2	3		4	5	6	7	8	9		10	11	12
112	Trương Thị Định	1603205648834	NH Agribank	149.000						149.000			
113	Trương Thị Bắc	1603205648828	NH Agribank	149.000						149.000			
114	Huỳnh Ngọc Liên	1603205641829	NH Agribank	149.000						149.000			
115	Trần Thanh Quý	1603215002663	NH Agribank	149.000						149.000			
Tổng cộng				239.331.250					237.394.250	1.937.000			

Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi chín triệu ba trăm ba mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Người lập

Huỳnh Như Ý

Kế toán trưởng

Nguyễn Kính

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Phạm Hữu Lộc

Chuyên viên kiểm soát chi/ giao dịch viên
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm 2021
Giáo đốc kho bạc nhà nước Tân Bình
(Ký, họ tên, đóng dấu)